

Bản án số: 08/2017/HS-ST

Ngày 26-12- 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH NHAI, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Hữu Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Ty, bà Cầm Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tòng Văn Cách - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Điều Luyện Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại Nhà Văn Hoá xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06 /2017/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Lò Văn H, sinh năm 1996 tại xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La: Nơi cư trú Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T và bà Là Thị Ch; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 21/6/2017 đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 21/6/2017, tại nhà của Lò Văn H ở bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Tổ công tác Công an huyện Quỳnh Nhai phát hiện bắt quả tang đối với Lò Văn Ch, trú tại Bản P, xã M, huyện Q đang sử dụng ma túy bằng hình thức hít - Thu giữ tại chỗ ngồi của Ch 01 bát lửa ga, 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy - Ch khai nhận là bát lửa và mảnh giấy bạc vừa dùng để sử dụng hít Hêrôin mua của Lò Văn H giá 85.000đ (*đã sử dụng hết*).

H tự giác giao nộp số tiền 135.000 đồng và khai nhận trong đó có 85.000đ là tiền bán Hêrôin cho Ch còn 50.000đ là tiền bán Hêrôin cho Lò Văn D trú tại xóm

1, xã M, huyện Q trước khi Ch đến nhà H; sau đó H lấy ở dưới đệm vị trí H ngồi 01 gói nilon màu hồng, bên trong có chứa chất dạng cục bột màu trắng và khai nhận là Hêrôin để sử dụng và bán kiếm lời.

Công an thu giữ của H 300.000 VNĐ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA đã qua sử dụng, H khai đã sử dụng điện thoại để trao đổi bán ma túy cho D và Ch.

Cơ quan Điều tra cân tịnh chất cục bột màu trắng thu giữ của H có trọng lượng là 0,143 gam, lấy 0,06 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu H1 và lấy 435.000 đồng thu giữ của H gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 668/KLMT ngày 28/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã kết luận: *“Mẫu gửi giám định ký hiệu H1 là chất ma túy; Loại chất Heroine; Tổng trọng lượng chất thu giữ được của H là 0,143 gam”*.

Tại kết luận giám định số 407/KLGĐ ngày 23/6/2017 của phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La đã kết luận: Toàn bộ số tiền 435.000 đồng gửi giám định là tiền thật. Hoàn lại toàn bộ số tiền gửi giám định.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn H khai nhận: Khoảng 10 giờ sáng ngày 19/6/2017, H đến khu vực bản Th, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói Heroine giá 135.000 đồng mang về nhà ở bản P, xã C, huyện Q, H dùng dao lam chia số ma túy vừa mua được thành hai phần, 01 phần H dùng mảnh nilon màu xanh gói lại, phần còn lại dùng mảnh nilon màu hồng gói rồi dùng bột lửa đốt nilon dán kín lại, cất dấu 02 gói ma túy ở bàn để ti vi của gia đình. Đến sáng ngày 20/6/2017 H lấy gói ma túy được gói bằng nilon màu xanh ra và dùng dao lam trích một phần ra để sử dụng bằng hình thức hít, phần còn lại cất dấu vào chỗ cũ.

Đến khoảng 9 giờ ngày 21/6/2017, sau khi nhận lời bán ma túy cho Lò Văn D và Lò Văn Ch gọi điện hỏi mua ma túy sử dụng. H lấy 02 gói ma túy ra, cất giấu gói nilon màu hồng xuống dưới đệm, dùng dao lam chia lấy một phần Heroine ở gói nilon màu xanh để sử dụng. Đến 10 giờ cùng ngày, H đang sử dụng ma túy bằng hình thức hít thì Lò Văn D vào nhà hỏi mua 50.000 đồng ma túy, H nhận tiền và chia lấy một phần gói ma túy H đang sử dụng đưa cho D, sau khi nhận ma túy D lấy một mảnh giấy bạc trong bao thuốc lá mang theo để sử dụng ma túy ngay tại nhà H bằng hình thức hít, sử dụng xong D ra khỏi nhà thì Lò Văn Ch vào nhà hỏi mua 85.000đ ma túy, H nhận tiền và đưa phần ma túy còn lại ở gói nilon màu xanh cho Ch nhận lấy cũng sử dụng ma túy bằng hình thức hít ngay tại nhà H thì bị Công an huyện phát hiện, bắt quả tang. H đã tự giác giao nộp 135.000đ tiền bán ma túy cho D và Ch; giao nộp gói Heroine cất dấu dưới đệm. H khai nhận biết và nhìn thấy D và Ch sử dụng ma túy tại nhà của mình nhưng H bỏ mặc và không có ý kiến gì vì H biết D và Ch là người nghiện ma túy.

Lời khai nhận của Lò Văn D và Lò Văn Ch tại cơ quan Điều tra đều khai nhận do nghiện ma túy nên sau khi mua, nhận Heroine của H thì D, Ch đã sử dụng bằng hình thức hít ngay tại nhà của H - H biết, nhìn thấy nhưng không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số: 41/KSĐT-MT ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai truy tố bị cáo Lò Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 và tội “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 198 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Quỳnh Nhai phát biểu luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lò Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 194, khoản 1 Điều 198, điểm p, o khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 (Sáu) năm đến 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu và các vật chứng liên quan; Không áp dụng phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo; Trả lại cho bị cáo 300.000 đồng; tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA đã qua sử dụng.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên Tòa về thời gian, địa điểm và diễn biến sự việc phù hợp với các căn cứ khác như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang và vật chứng thu giữ. Kết luận giám định “*Tổng trọng lượng chất thu giữ được của H là 0,143 gam là chất ma túy; Loại chất Heroine*”, H khai nhận mục đích để sử dụng và bán kiếm lời.

Lời khai nhận của H, D, Ch: về thời gian liên hệ mua ma túy qua điện thoại phù hợp với kết quả kiểm tra nhật ký cuộc gọi đến điện thoại của H có số thuê bao của D vào hồi 8h 58 phút ngày 21.6.2017 và số thuê bao của Ch vào hồi 9h 15 phút ngày 21.6.2017 và về số tiền, mệnh giá tiền của D và Ch trả tiền mua Heroine của H và sử dụng Heroine ngay tại nhà của H thống nhất, phù hợp với số tiền H giao nộp và vật chứng thu giữ.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 10 giờ, ngày 21/6/2017, tại nhà ở của mình tại bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La bị cáo Lò Văn H đã bán 01 gói ma túy, loại chất Heroine cho Lò Văn D giá 50.000đ và để mặc cho D sử dụng chất ma túy tại nhà ở của mình; Đến 10 giờ 30 phút, H bán 01 gói ma túy, loại chất Heroine cho Lò Văn Ch giá 85.000đ và để mặc cho Ch sử dụng chất ma túy tại nhà ở của mình; bị cáo còn cất giữ 0,143 gam chất ma túy, loại chất Heroine mục đích để sử dụng và bán kiếm lời.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “Phạm tội nhiều lần” - Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự và tội “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 198 Bộ luật hình sự.

Xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm những quy định của Nhà nước về chế độ quản lý các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua, sử dụng, bán chất ma túy, chứa chấp người khác sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Nhưng vì nhu cầu sử dụng của bản thân và vì vụ lợi, bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Bị cáo khai nhận hành vi bán ma túy cho Lò Văn D (*hành vi phạm tội trước khi thực hiện hành vi bán ma túy cho Lò Văn Ch bị bắt quả tang*) là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự - Do vậy, áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cần có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất hành vi phạm tội “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo, theo quy định tại Khoản 1 Điều 198 Bộ luật hình sự; xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo - để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy ở địa phương.

Bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; do vậy, quyết định hình phạt và tổng hợp hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 50 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung - phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 194; Khoản 3 Điều 198 Bộ luật hình sự: Xét thấy, hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn,

không có tiền, tài sản giá trị lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh về người đàn ông bán Heroine cho H (theo lời khai của bị cáo) không biết tên, địa chỉ, không xác định được danh tính, do vậy không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với Lò Văn D và Lò Văn Ch là người nghiện ma túy, mua ma túy mục đích để sử dụng, trọng lượng ma túy ít đã sử dụng hết nên không đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự; Cơ quan CSĐT Công an huyện Quỳnh Nhai đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Lò Văn D và Lò Văn Ch và trả lại cho Lò Văn D và Lò Văn Ch toàn bộ tài sản đã thu giữ.

[3] Về vật chứng vụ án:

- Heroine thu giữ của Lò Văn H có trọng lượng là 0,143 gam, lấy 0,06 gam làm mẫu gửi giám định còn lại 0,083 gam là vật cấm lưu hành phải tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 76 bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc bật lửa ga màu đỏ nhãn hiệu TANAKA, 01 chiếc dao lam loại dao cạo râu đã qua sử dụng và 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy một mặt bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên Tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 76 bộ luật Tố tụng hình sự.

- 135.000 đồng là tiền do phạm tội mà có và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội cần Tịch thu sung công quỹ nhà nước, theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

- 300.000đ thu của bị cáo là tiền của bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1 Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn H 06 (Sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 198; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn H 02 (Hai) năm tù về tội “chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm a khoản 1 điều 50 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Lò Văn H phải chấp hành là 08 (Tám) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2017.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) chiếc phong bì còn nguyên niêm phong bên ngoài có ghi: 01 chiếc dao lam loại dao cạo râu đã qua sử dụng, 01 chiếc bật lửa ga màu đỏ nhãn hiệu TANAKA và 01 mảnh giấy bạc đã bị đốt cháy một mặt không rõ hình dạng kích thước.

- 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong bên ngoài có ghi: vật chứng còn lại 0,083 g (*Không thấy không tám ba gam*) Hêrôin ký hiệu H, 01 phong bì đã bóc mở niêm phong và 01 mảnh nilon màu hồng.

* Tịch thu sung công quỹ nhà nước 135.000 (*Một trăm ba mươi lăm nghìn*) đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen, điện thoại đã qua sử dụng thu của Lò Văn H.

* Trả cho bị cáo Lò Văn H 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 04/2018 ngày 03/11/2017 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Nhai và biên lai thu tiền số: AB/2010/ 001508 ngày 03/11/2017)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - buộc bị cáo Lò Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 26/12/2017./.

Nơi nhận:

-TAND Tỉnh;
-VKSND Tỉnh;
-VKSND huyện
-Công an (02);
-Trại giam ;
-CCTHA Dân sự;
-THA hình sự ;
-Bị cáo;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quản Hữu Chiến

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

Hoàng Thị Ty

Quản Hữu Chiến

Cầm Thị Hồng Thanh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì

ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)